

Số: 52/2025/QĐCNHGT-HNGĐ

TP. Tuyên Quang, ngày 11 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI
TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị
Chu Thị H và anh Trần Văn V;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của chị
Chu Thị H;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2025 về thuận tình
ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Chị **Chu Thị H**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- Người bị kiện: Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn A, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên
chuyển sang Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được
ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 3 năm 2025 có đủ các
điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa
giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 26 tháng 3 năm
2025, cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Chu Thị H và anh Trần Văn V cùng nhất trí
thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cả 02 con chung là Trần Đức T, sinh ngày 05/9/2013 và
Trần Duy H1, sinh ngày 16/6/2016 cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm
sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Chị Chu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, thời hạn cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2025 đến khi cháu Trần Đức T, sinh ngày 05/9/2013 và cháu Trần Duy H1, sinh ngày 16/6/2016 đủ 18 tuổi. Chị Chu Thị H được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- **Về tài sản chung:** Chị Chu Thị H và anh Trần Văn V đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị Chu Thị H và anh Trần Văn V đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thành phố T;
- THADS thành phố T;
- UBND thị trấn Y, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang;- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Kim Thư